

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản
phân tán, nhỏ lẻ tỉnh Thanh Hóa**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ gồm 04 khu vực thuộc tỉnh Thanh Hóa (có danh sách khu vực khoáng sản và bản đồ kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức hướng dẫn, theo dõi quá trình thực hiện, định kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

1. Căn cứ khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ được công bố kèm theo Quyết định này để bổ sung, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản. Thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, trong đó, đẩy mạnh việc cấp phép thông qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Việc cấp giấy phép khai thác chỉ thực hiện sau khi có trữ lượng, thiết kế cơ sở khai thác khoáng sản được phê duyệt theo quy định.

2. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp phép hoạt động khoáng sản phải đảm bảo có đủ nguồn lực về vốn, công nghệ, thiết bị để khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường; tổ chức thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường sau khai thác theo quy định; quản lý, giám sát tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực

hiện các biện pháp kỹ thuật để quản lý chất thải rắn, lỏng, khí khi thải ra môi trường phải tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam.

3. Việc cấp phép hoạt động khoáng sản phải đảm bảo không thuộc khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 28 Luật khoáng sản; không thuộc rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng tự nhiên.

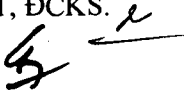
4. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác; hoạt động khai thác khoáng sản và công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐCKS.



Trần Hồng Hà

TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số 2321 /QĐ-BTNMT, ngày 28 tháng 9 năm 2017)

TT	Ký hiệu KS	Tên KS	Tên khu vực KSNL	Ký hiệu trên BĐ	Xã	Huyện	Tọa độ X (m) tính	Tọa độ Y (m) tính	Diện tích (ha)	Ghi chú
KHU VỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG BỐ CÓ KHOÁNG SẢN PHÂN TÁN, NHỎ LẺ									52,56	
1	Qz	Quarzit deluvi	Tượng Sơn	1	Thạch Tượng, Thạch Cẩm và Nam Xuân	Quan Hóa	2247610	548293	0,16	Tinh đề nghị phù hợp tài liệu địa chất
			2247589				548338			
			2247562				548308	1,19		
			2247584				548269			
			2244906				549934			
			2244902				550001			
			2244859				550045			
			2244818				550006			
			2244839				549974			
			2244751				549947			
			2244770				549893	0,31		
			2240581				557019			
			2240548				557080			
			2240501				557050			
			2240533				557007	4,50		
			2254593				502304			
			2254603				502345			
			2254511				502385			
			2254491				502513			
			2254192				502610			
			2254086				502719			
			2254061				502690			
			2254159				502577			
			2254240				502540			
			2254310				502436			
			2254436				502442			
			2254475				502337			
2	Op	Đá vôi ốp lát	Đồi Chông	3	Cẩm Vân	Cẩm Thủy	2223357	556777	6,40	Tinh đề nghị phù hợp tài liệu địa chất
							2223357	556876		
							2223177	556875		
							2223005	556910		
							2222983	556840		
							2222890	556766		
							2222855	556693		
							2222822	556676		
							2222824	556614		
							2223008	556690		
							2223047	556806		
							2223275	556743		

(Chữ ký)

TT	Ký hiệu KS	Tên KS	Tên khu vực KSNL	Ký hiệu trên BĐ	Xã	Huyện	Tọa độ X (m) tính	Tọa độ Y (m) tính	Diện tích (ha)	Ghi chú
3	TA	Thạch anh deluvi	Kim Thanh	2,00	Cẩm Châu	Cẩm Thủy	2230319	550172	1,00	Tinh đề nghị phù hợp tài liệu địa chất
							2230319	550259		
							2230203	550259		
							2230203	550172		
4	Fe	Quặng sắt	Thanh Lâm	4	Thanh Lâm	Nhu Xuân	2174738	529971	39,0	Tinh đề nghị phù hợp tài liệu địa chất
							2174806	529746		
							2174978	529514		
							2175254	529284		
							2175370	528596		
							2175130	528433		
							2175022	529043		
							2174515	529845		